

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 5 năm 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Ngọc Lan

bà Nguyễn Thị Xuân Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* bà Hồ Thị Thư - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Giới Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 931/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1973

Trú tại: thôn 1 - xã H - thành phố B - Đắk Lắk.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Trịnh Thị Thu H - sinh năm 1972;

Trú tại: 25C đường T - phường H - thành phố N - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 và bản tự khai ngày 27/10/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: năm 2001, ông và bà Trịnh Thị Thu H tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2016 đến nay, ông và bà H đã không còn sống chung với nhau. Đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà H nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Con chung: có hai con chung Nguyễn Nam N (sinh ngày 23/8/2001) và Nguyễn Tú U (sinh ngày 26/10/2003). Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông không có yêu cầu gì. Tài sản

chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà H; các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông không có yêu cầu gì; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ II.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông B và bà H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P - thành phố N - Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 10/10/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông B cho rằng quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B.

[2] Con chung: ông B, bà H có hai con chung là Nguyễn Nam N (sinh ngày 23/8/2001) và Nguyễn Tú U (sinh ngày 26/10/2003). Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: ông B nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Trịnh Thị Thu H.

Về con chung: ông B, bà H có hai con chung là Nguyễn Nam N (sinh ngày 23/8/2001) và Nguyễn Tú U (sinh ngày 26/10/2003). Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn B nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000058 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N - Khánh Hòa. Ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- UBND phường P - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 10/10/2001);
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Thị Mai Phương